

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS-ST  
Ngày 21-7-2017  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ái Hòa;
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2016/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2017; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1980, trú tại: Tổ 5, ấp CX, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Văn C, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số nhà 188, đường GC, ấp GC, xã ANT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2017); có mặt.

*Bị đơn:*

Chị Cao Thị Thu H, sinh năm 1987; vắng mặt;

Anh Hồ Huỳnh A, sinh năm 1982; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp XS, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02-12-2016, ngày 03-01-2017 của nguyên đơn – chị N và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của chị N trình bày:*

Từ ngày 26-5-2016 (âm lịch) đến ngày 02-7-2016 (âm lịch), chị có cho chị H vay tổng cộng 06 lần, mỗi lần vay tiền hai bên đều có làm giấy nợ và thỏa thuận lãi suất. Cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 26-5-2016 (âm lịch) vay 25.000.000 đồng;

Lần 2: Vào ngày 02-6-2016 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng;

Lần 3: Vào ngày 06-6-2016 (âm lịch) vay 10.000.000 đồng;

Lần 4: Vào ngày 27-6-2016 (âm lịch) vay 45.000.000 đồng;

Lần 5: Vào ngày 29-6-2016 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng;

Lần 6: Vào ngày 02-7-2016 (âm lịch), vay 5.000.000 đồng.

Các lần giao tiền đều làm giấy nợ và chị H có lặn tay và ký tên vào giấy nợ. Từ khi vay, chị H có trả cho chị được số tiền 12.000.0000 đồng lãi suất. Việc thỏa thuận lãi suất và trả tiền lãi không lập thành văn bản.

Đến ngày 20-7-2016 (âm lịch), chị H nợ chị 125.000.000 đồng, hai bên chốt nợ và làm lại giấy nợ mới, chị H có ký tên vào giấy nợ ngày 20-7-2016. Đến tháng 10 năm 2016, chị H có trả cho chị được 15.000.000 đồng tiền gốc nên còn nợ lại chị số tiền 110.000.0000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của chị N đồng ý khấu trừ 12.000.000 đồng tiền lãi suất vào nợ gốc. Cụ thể: Chị N yêu cầu vợ chồng chị H trả cho chị N số tiền nợ là 98.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Cao Thị Thu H trình bày:*

Chị thừa nhận có vay của chị N số tiền 45.000.000 đồng vào ngày 20-4-2016 (âm lịch), có làm giấy nợ và giao chị N giữ. Số tiền chị ghi trong các giấy nợ là số tiền lãi của số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 30.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Tính tiền lãi là 1.350.000 đồng/ngày trên số tiền 45.000.000 đồng. Vào ngày 20-7-2016 (âm lịch), chị thừa nhận có ghi giấy nợ cho chị N với số tiền nợ là 125.000.000 đồng. Chị đã trả tiền lãi, tiền gốc cho chị N nhiều lần từ ngày vay đến ngày 13-10-2016 (âm lịch), tổng cộng số tiền chị đã trả cho chị N là 159.320.000 đồng nhưng không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Nay chị không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị N vì chị đã trả cho chị N hơn số nợ chị nợ chị N. Chị không yêu cầu tính lại số tiền đã trả dư cho chị N.

*Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hồ Huỳnh A trình bày:*

Anh là chồng chị H. Anh không có nợ tiền của chị N. Việc chị H có vay tiền của chị N hay không anh không biết. Nay anh không đồng ý trả nợ cho chị N.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Chị N, ông C, anh A đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Riêng chị H chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc chị H anh A có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền 98.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của anh A, chị H là phù hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[2] Xét giấy nợ ngày 20-7-2016 (al) có nội dung “Tôi tên: Cao Thị Thu H...tôi có mượn chị Nguyễn Thị Tuyết N ngụ CX HT số tiền 125.000.000 đ...”, chị H thừa nhận có viết họ tên, ký tên và lấn tay vào giấy nợ này. Nhưng không thừa nhận số nợ 125.000.0000 đồng, chỉ thừa nhận có nợ 45.000.000 đồng, số tiền còn lại là tiền lãi suất nhưng chị N không thừa nhận việc này. Chị H không có chứng cứ chứng minh đây là số tiền lãi cộng dồn với nợ gốc, nên lời trình bày của chị không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định chị H nợ chị N số tiền 125.000.000 đồng.

Vào tháng 10 năm 2016, chị H có trả cho chị N được số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, hiện còn nợ 110.000.000 đồng. Đồng thời chị N thừa nhận chị H có trả cho chị được 12.000.000 đồng tiền lãi suất và đồng ý khấu trừ vào tiền gốc 110.000.000 đồng do đó chị N yêu cầu chị H trả số tiền 98.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Đối với số tiền 125.000.000 đồng, chị N cho rằng cho vợ chồng chị H vay để trả nợ Ngân hàng. Qua xác minh cho thấy vào, thời điểm tháng 06 tháng 2016, vợ chồng chị H có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện TB – phòng giao dịch xã LH bằng hai hợp đồng tín dụng với số nợ 180.000.000 đồng và 250.000.000 đồng, hiện đã trả số tiền nợ này vào các ngày 20-6-2016, ngày 30-11-2016. Do đó, lời trình bày của nguyên đơn cho rằng chị H vay tiền để trả nợ Ngân hàng là có căn cứ.

Mặc dù giấy nợ ngày 20-7-2016 (al), anh A không có ký tên và không thừa nhận có chị N nhưng xét số nợ 125.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng chị H, anh A. Do đó, căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc chị H, anh A liên đới trả cho chị N số tiền 98.000.000 đồng.

Ghi nhận chị N không yêu cầu trả tiền lãi suất.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H, anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 98.000.000 đồng x 5% = 4.900.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết N tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Cao Thị Thu H, anh Hồ Huỳnh A.

Buộc chị Cao Thị Thu H, anh Hồ Huỳnh A có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ghi nhận chị N không yêu cầu trả tiền lãi suất.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Cao Thị Thu H, anh Hồ Huỳnh A phải chịu 4.900.000 (bốn triệu chín trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị N số tiền 3.275.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008324 ngày 19-12-2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Cẩm**